

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **94/2024/DSST**

Ngày 05-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhiều Phong;

Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu, Thư ký Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2024/TLST- DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Trung T**, sinh năm 1982; vắng mặt.

Chị **Nguyễn Thị NM**, sinh năm 1981; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Tổ 3, ấp PB, xã SĐ, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh T, chị NM: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp NB, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp PB, xã SĐ, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Trung T, chị Nguyễn Thị NM - chị Lê Thị Kiều D trình bày:

Ngày 13-12-2023 chị H có vay của anh T, chị NM số tiền 130.000.000 đồng với mức lãi suất 5%/tháng. Khi vay chị H cam kết một tháng sẽ trả hết tiền

gốc, lãi nhưng không trả khoản nào. Lời khai của chị H về việc vay nhiều lần tổng cộng 25.000.000 đồng là không đúng.

Nay anh T, chị NM khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính kể từ ngày vay 13-12-2023.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Vào năm 2022 (không nhớ ngày tháng), chị có vay tiền của anh T, chị NM ba lần: 10.000.000 đồng; 5.000.000 đồng, 10.000.0000 đồng, tổng cộng 25.000.000 đồng. Mỗi lần vay cách nhau vài tháng (không nhớ cụ thể thời gian), khi vay đều làm giấy nợ do chị viết, giấy nợ do anh T, chị NM giữ, chị không cung cấp được. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi là 150.000 đồng/01 tháng/1.000.000 đồng, tương đương 15%/tháng, lãi thỏa thuận 10 ngày trả một lần. Chị chưa trả tiền gốc 25.000.000 đồng, riêng tiền lãi chị đã trả đầy đủ cho anh T, chị NM được khoảng hơn một năm, mỗi lần trả lãi không làm giấy tờ gì, không người chứng kiến, tổng tiền lãi đã trả bao nhiêu thì chị không nhớ.

Do chị ngưng trả lãi nên cách nay khoảng một năm (không nhớ ngày tháng năm cụ thể), vợ chồng chị NM ba lần yêu cầu chị phải chốt nợ, làm giấy nợ mới, cụ thể:

Lần 1: Nợ gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi của nợ khoảng 15.000.000 đồng, tổng cộng khoảng 40.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy nợ mới do vợ chồng chị NM giữ. Chốt nợ xong chị có trả lãi cho vợ chồng chị NM, trả được bao nhiêu lãi thì chị không nhớ, nhưng trả lãi không đủ.

Lần 2: Vào thời gian không nhớ, vợ chồng chị NM yêu cầu chị nhận nợ số tiền 60.000.000 đồng - 70000.000 đồng. Hai bên có làm giấy nợ do chị NM giữ. Chốt nợ xong chị có trả lãi cho vợ chồng chị NM, trả được bao nhiêu lãi thì chị không nhớ, nhưng trả lãi không đủ.

Lần 3: Vào ngày 13-12-2023 vợ chồng chị NM yêu cầu chị chốt nợ với số tiền 130.000.000 đồng (là khoản tiền đang tranh chấp).

Ba lần chốt nợ nêu trên thì các giấy nhận nợ cũ 25.000.000 đồng, 40.000.000 đồng, 60.000.000 đồng đều không có hủy bỏ, các giấy nợ chị không giữ nên không có để nộp cho Tòa án.

Đối với yêu cầu của vợ chồng chị NM thì chị đồng ý trả gốc vay 25.000.000 đồng và xin trả dần. Về tiền lãi thì Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, chị NM đối với chị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị H có trách nhiệm trả lại cho anh T, chị NM số tiền 130.000.000 triệu đồng và lãi 10%/năm kể từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án.

Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Trung T, chị Nguyễn Thị NM vắng mặt, nhưng người đại diện hợp pháp có mặt. Do đó xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Anh T, chị NM yêu cầu chị H trả số tiền gốc 130.000.000 đồng, nhưng chị H chỉ thừa nhận tiền gốc 25.000.000 đồng; về tiền lãi các đương sự thống nhất đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

Thấy rằng, chị H thừa nhận chữ viết, chữ ký tại giấy nợ 130.000.000 đồng ngày 13-12-2023 do chị viết và ký tên. Từ thời điểm viết giấy nợ ngày 13-12-2023 chị không trả khoản gốc, lãi nào cho chị NM, anh T. Chị H cho rằng trong số tiền 130.000.000 đồng tranh chấp thì tiền gốc là 25.000.000 đồng, sau ba lần chốt cộng lãi vào gốc thì thành số tiền 130.000.000 đồng nhưng chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không xác định được số tiền lãi đã trả, tiền lãi còn nợ cụ thể đã cộng dồn vào nợ gốc tại mỗi lần chốt lại nợ. Do đó không có căn cứ xem xét và chấp nhận lời khai của chị H.

[2.2] Tại giấy mượn tiền ngày 13-12-2023, các bên không ghi nhận về lãi suất, tuy nhiên quá trình giải quyết đều thừa nhận khoản vay có lãi. Nay các bên có mâu thuẫn về mức lãi, căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 13-12-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05-7-2024) là 06 tháng 22 ngày:

Số tiền lãi phát sinh:

$130.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 7.294.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng gốc, lãi là:

$130.000.000 \text{ đồng} + 7.294.000 = 137.294.000 \text{ đồng (làm tròn)}.$

[2.3] Chị H xin trả dần khoản tiền phải trả cho chị NM, anh T nhưng người đại diện hợp pháp của chị NM, anh T không đồng ý. Việc xin trả dần là phương thức thanh toán khi thi hành án, không thuộc thẩm quyền của Tòa án, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, chị H; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị NM, anh T không phải chịu.

Chị H phải chịu 6.865.000 đồng.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trung T, chị Nguyễn Thị NM về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị H.

1.1. Buộc chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho anh Lê Trung T, chị Nguyễn Thị NM số tiền 137.294.000 đồng (trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 7.294.000 đồng).

1.2. Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày 06-7-2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Anh Lê Trung T, chị Nguyễn Thị NM không phải chịu. Hoàn trả cho anh T, chị NM số tiền tạm ứng án phí 3.250.000 (*ba triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007454 ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.2 Chị Nguyễn Thị H phải chịu 6.865.000 (*sáu triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn*) đồng.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TẠ THỊ HẠ

